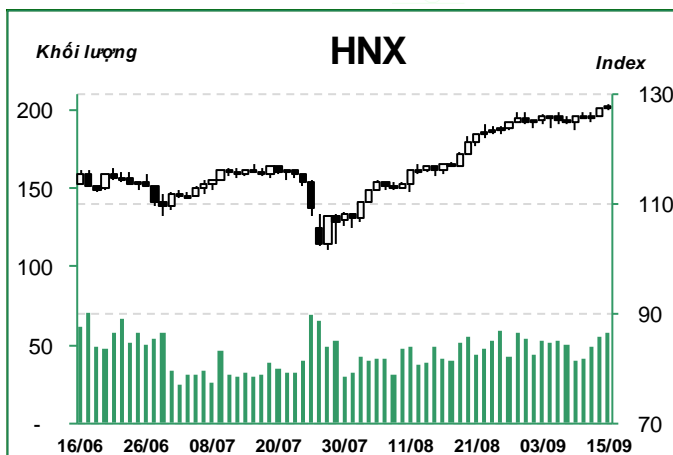
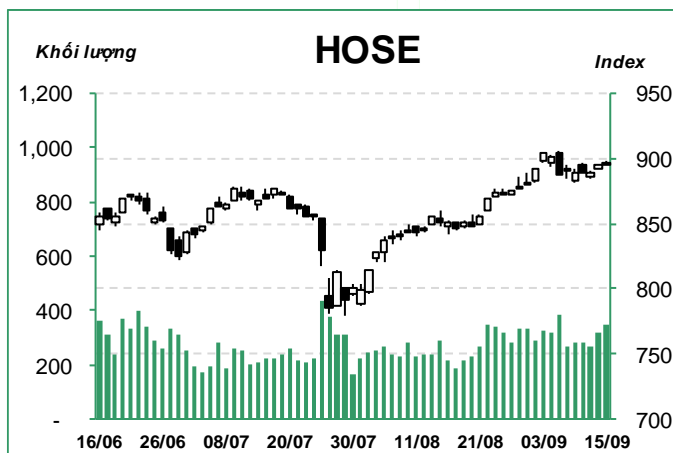


Tổng quan thị trường

| 15/09/2020 | HOSE | | VN30 | | HNX | |
|-----------------------------|-----------------|--------------|-----------------|---------------|-----------------|--------------|
| | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % |
| Giá trị đóng cửa | 896.26 | 0.19% | 833.33 | 0.13% | 127.93 | 0.39% |
| Cuối tuần trước | 888.97 | 0.82% | 825.56 | 0.94% | 126.21 | 1.36% |
| Trung bình 20 ngày | 884.70 | 1.31% | 819.81 | 1.65% | 125.28 | 2.11% |
| Tổng KLGD (triệu cp) | 381.80 | 4.77% | 109.80 | 42.29% | 61.94 | 5.87% |
| KLGD khớp lệnh | 343.36 | 7.72% | 87.51 | 33.60% | 57.73 | 4.42% |
| Trung bình 20 ngày | 310.85 | 10.46% | 83.47 | 4.83% | 50.03 | 15.41% |
| Tổng GTGD (tỷ đồng) | 6,725.95 | 5.42% | 3,127.64 | 42.36% | 703.45 | 8.24% |
| GTGD khớp lệnh | 5,534.95 | 5.67% | 2,374.89 | 28.34% | 607.90 | 0.13% |
| Trung bình 20 ngày | 5,392.47 | 2.64% | 2,390.57 | -0.66% | 575.10 | 5.70% |
| | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | |
| Số mã tăng | 209 | 45% | 13 | 43% | 97 | 27% |
| Số mã giảm | 201 | 44% | 15 | 50% | 76 | 21% |
| Số mã đứng giá | 51 | 11% | 2 | 7% | 183 | 51% |



Thị trường tiếp tục đi lên theo đà hồi phục của thị trường chứng khoán thế giới. Mặc dù thanh khoản cải thiện, sự phân hóa của nhóm cổ phiếu trụ cho tín hiệu áp lực bán gia tăng, nhất là khi VN-Index đang tiến dần đến ngưỡng kháng cự tâm lý quanh vùng 900 điểm.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tăng nhẹ tại mức 896.26 điểm (+0.19%). Thanh khoản trên sàn tăng nhẹ với KLGD khớp lệnh đạt 343.4 triệu cổ phiếu (+7.7%), tương đương 5,535 tỷ đồng giá trị (+5.7%). Độ rộng thị trường cân bằng với 209 mã tăng so với 201 mã giảm.

Sau 4 phiên lao dốc liên tiếp, Becamex IDC-BCM (+3.2%) bất ngờ được bắt đáy trở lại và cùng với Vingroup-VIC (+2.0%), PV Gas-GAS (+1.3%) giúp kéo chỉ số chính trong phiên hôm nay. Ở chiều ngược lại, Vinhomes-VHM (-0.9%) cùng một số cổ phiếu ngân hàng như Vietcombank-VCB (-0.6%), Vietinbank-CTG (-0.8%), Techcombank-TCB (-0.7%) có tác động tiêu cực.

Khối ngoại vẫn đang gây sức ép khi tiếp tục bán ròng 387.5 tỷ đồng (-12.2%) trên sàn HoSE hôm nay. Lực bán tập trung ở các cổ phiếu như Vinhomes-VHM (-195.4 tỷ), Vinamilk-VNM (-44.3 tỷ) và HDBank-HDB (-25.1 tỷ). Trong khi đó, Vingroup-VIC (+32.6 tỷ), Nam Long-NLG (+17.5 tỷ), Vincom Retail-VRE (+16.0 tỷ) là những cổ phiếu được khối ngoại mua vào.

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index cũng duy trì sắc xanh trong hầu hết thời gian của phiên giao dịch. Chỉ số chốt phiên tại mức 127.93 điểm (+0.39%), với KLGD khớp lệnh đạt

Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| HOSE | | |
| NVL | 4,095.0 | 260.52 |
| TCB | 11,916.6 | 256.38 |
| VGC | 4,850.0 | 116.40 |
| VNM | 619.7 | 77.07 |
| VPB | 2,116.4 | 47.01 |
| MBB | 1,909.0 | 35.29 |
| VCB | 320.0 | 26.63 |
| NLG | 928.6 | 25.81 |
| VND | 1,600.0 | 20.16 |
| SAB | 88.9 | 16.82 |
| HNX | | |
| VCG | 2,200.0 | 73.95 |
| PGS | 720.1 | 9.07 |
| VGP | 225.0 | 5.00 |
| VMC | 300.0 | 3.39 |
| VTJ | 565.0 | 2.26 |
| NTP | 25.2 | 0.85 |
| BVS | 76.0 | 0.81 |
| SVN | 96.0 | 0.22 |

57.7 triệu cổ phiếu (+4.4%), tương đương 607.9 tỷ đồng giá trị (+0.1%).

Ngân hàng Á Châu-ACB (+0.5%), Khách sạn Đại Dương-OCH (+6.8%), Thaiholdings-THD (+2.9%) và Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+4.3%) dẫn đầu đà tăng điểm trên sàn. Ngược lại, Lâm nghiệp Việt Nam-VIF (-4.0%), Vinaconex-VCG (-0.8%), Vicostone-VCS (-1.2%) và Idico-IDC (-1.2%) kim hãm đà tăng của chỉ số.

Về giao dịch của khối ngoại, giá trị bán ròng trên sàn HNX đã sụt giảm đáng kể so với phiên trước, đạt giá trị 8.3 tỷ đồng (-69.4%). Trong đó, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-5.3 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (-0.8 tỷ), Vicostone-VCS (-0.7 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ra nhiều nhất. Trái lại, In Nông Nghiệp-INN (+0.5 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+0.3 tỷ), Nhựa Tiên Phong-NTP (+0.2 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng và duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền gia nhập thị trường tích cực. Không những vậy, chỉ số tiếp tục duy trì đóng cửa trên hầu hết các đường MA quan trọng từ MA5 tới MA200, kèm theo đường ADX nằm trên vùng 25 và +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng phục hồi ngắn hạn đang tiếp diễn. Thêm vào đó, bộ chỉ báo MACD tạo mẫu hình Hook và RSI hướng lên vùng 65, cho thấy chỉ số có thể sớm tiến lên thử thách lại vùng đỉnh 905 điểm và xa hơn có thể là vùng 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, cùng với khối lượng giao dịch gia tăng, cho thấy chỉ số đang trong xu hướng phục hồi. Chỉ số đang có thể hướng lên thử thách vùng 134.4 điểm (Fib 161.8). Nhìn chung, thị trường đang có cơ hội thoát ra khỏi nhịp điều chỉnh kỹ thuật và quay lại xu hướng phục hồi chính. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, có câu chuyện riêng và kỳ vọng kết quả kinh doanh quý 3 khả quan.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| VAF | 10.4 | 0.0 | 7.0% |
| SFG | 6.0 | 108.9 | 7.0% |
| TCT | 29.9 | 222.9 | 7.0% |
| TDW | 23.0 | 0.2 | 7.0% |
| TNC | 24.6 | 0.1 | 7.0% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| HOT | 41.7 | 1.0 | -6.9% |
| L10 | 16.9 | 3.1 | -6.9% |
| VPH | 4.7 | 237.6 | -6.0% |
| DTT | 11.1 | 0.0 | -6.0% |
| FTM | 1.5 | 559.9 | -5.8% |

Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VHM | 76.8 | 363.2 | -0.9% |
| STB | 11.6 | 279.3 | 2.7% |
| HPG | 24.7 | 219.9 | 0.4% |
| HSG | 13.0 | 219.0 | 2.4% |
| GEX | 25.4 | 179.9 | 0.2% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| STB | 11.6 | 24,122.2 | 2.7% |
| HQC | 1.8 | 17,816.5 | 1.7% |
| HSG | 13.0 | 16,710.5 | 2.4% |
| HPG | 24.7 | 8,859.3 | 0.4% |
| ITA | 4.5 | 8,804.8 | 0.7% |

HNX

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| NHP | 0.8 | 800.1 | 14.3% |
| MPT | 2.2 | 435.9 | 10.0% |
| TXM | 3.3 | 21.2 | 10.0% |
| LCS | 2.2 | 63.4 | 10.0% |
| VCM | 16.6 | 0.1 | 9.9% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| NAP | 11.7 | 6.1 | -10.0% |
| KKC | 6.0 | 0.1 | -9.1% |
| PGT | 4.1 | 5.0 | -8.9% |
| MHL | 4.2 | 0.1 | -8.7% |
| FID | 1.1 | 26.8 | -8.3% |

Top 5 giá trị

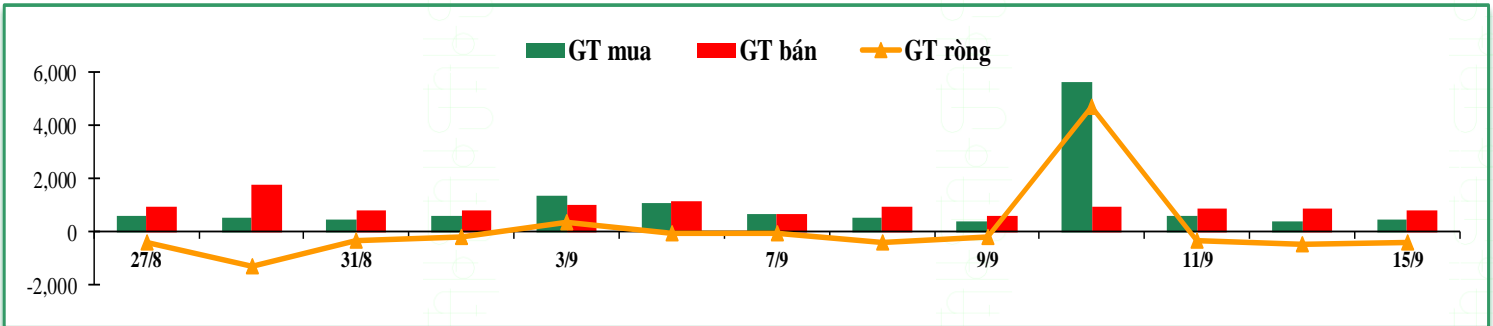
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| ACB | 21.3 | 98.4 | 0.5% |
| SHS | 12.0 | 80.4 | 4.4% |
| SHB | 14.5 | 48.1 | 0.0% |
| TNG | 13.4 | 38.5 | 4.7% |
| PVS | 12.5 | 28.4 | 0.8% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| SHS | 12.0 | 6,718.6 | 4.4% |
| ACB | 21.3 | 4,632.9 | 0.5% |
| SHB | 14.5 | 3,327.9 | 0.0% |
| DST | 5.2 | 3,168.1 | 8.3% |
| TNG | 13.4 | 2,926.6 | 4.7% |

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD | GT Mua | % Thị trường | GT Bán | % Thị trường | Mua-Bán |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|---------------|
| HOSE | 435.0 | 7.9% | 822.4 | 14.9% | -387.5 |
| HNX | 5.0 | 0.8% | 13.3 | 2.2% | -8.3 |
| Tổng số | 440.0 | | 835.8 | | -395.8 |



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VNM | 124.8 | 61.6 | 0.5% |
| VIC | 95.0 | 36.8 | 2.0% |
| MBB | 18.1 | 31.7 | -0.3% |
| HPG | 24.7 | 26.4 | 0.4% |
| NLG | 28.3 | 24.1 | 1.1% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VHM | 76.8 | 218.7 | -0.9% |
| VNM | 124.8 | 105.9 | 0.5% |
| VCB | 82.5 | 47.8 | -0.6% |
| GAS | 72.3 | 33.2 | 1.3% |
| MBB | 18.1 | 31.9 | -0.3% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VIC | 95.0 | 32.6 | 2.0% |
| NLG | 28.3 | 17.5 | 1.1% |
| VRE | 28.9 | 16.0 | 1.1% |
| PHR | 59.2 | 11.4 | -0.3% |
| MSN | 55.4 | 7.1 | -0.4% |

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| NTP | 32.7 | 2.1 | 2.2% |
| BVS | 10.8 | 1.1 | 0.9% |
| INN | 28.2 | 0.5 | 2.9% |
| SHS | 12.0 | 0.5 | 4.4% |
| WCS | 222.9 | 0.2 | 0.6% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SHB | 14.5 | 5.3 | 0.0% |
| NTP | 32.7 | 1.9 | 2.2% |
| BVS | 10.8 | 1.2 | 0.9% |
| PVS | 12.5 | 0.8 | 0.8% |
| VCS | 67.8 | 0.8 | -1.2% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| INN | 28.2 | 0.5 | 2.9% |
| SHS | 12.0 | 0.3 | 4.4% |
| NTP | 32.7 | 0.2 | 2.2% |
| WCS | 222.9 | 0.1 | 0.6% |
| SCI | 73.0 | 0.1 | -1.1% |

Tin trong nước

ADB điều chỉnh dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam còn 1,8%

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) vừa cập nhật dự báo tăng trưởng GDP năm nay của Việt Nam là 1,8%, giảm 2,3 điểm phần trăm so với hồi tháng 6. Nguyên nhân là tiêu dùng nội địa giảm sút và sức cầu bên ngoài suy yếu do những tác động lớn hơn, ngoài mức dự báo của dịch Covid-19. Tuy nhiên, điểm sáng trong bức tranh kinh tế là thành công của Chính phủ trong việc kiểm soát sự lây lan của dịch, ổn định kinh tế vĩ mô, tăng cường chi tiêu công và hoạt động cải cách môi trường đầu tư kinh doanh. Theo đó, tăng trưởng GDP sẽ sớm quay lại mức 6,3% vào 2021.

Trước đó, TS Nguyễn Đình Cung, Thành viên Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng dự báo tăng trưởng GDP năm nay chắc chắn thấp, loanh quanh ở ngưỡng 2%. Tuy nhiên, đây là mức tăng trưởng khả quan trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đều bị tác động bởi dịch Covid-19.

Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 diễn ra sáng nay (4/9), Bộ trưởng Kế hoạch & Đầu tư Nguyễn Chí Dũng đã cho biết Chính phủ nỗ lực thực hiện "mục tiêu kép", kiên quyết phòng, chống đại dịch Covid-19 và tranh thủ cơ hội, phục hồi nhanh các hoạt động kinh tế. Việt Nam phấn đấu hoàn thành mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm nay, trong đó tăng trưởng cả năm đạt khoảng 2%, nếu điều kiện cho phép phấn đấu đạt khoảng 2,5%.

Sản xuất và tiêu thụ thép có tháng tăng thứ hai

Theo Hiệp hội Thép Việt Nam, tính riêng trong tháng 8, sản xuất thép các loại đạt hơn 2,3 triệu tấn, tăng 11,4% so với tháng trước và tăng 12,6% so với cùng kỳ 2019.

Bán hàng thép các loại cũng tăng 5,9% so với tháng 7, lên mức 2 triệu tấn. So với cùng kỳ năm trước, sản lượng thép bán ra trong tháng cũng tăng 13,9%. Trong đó, xuất khẩu thép các loại đạt 462.138 tấn, tăng 8,81% so với tháng trước và tăng 29,9% so với tháng 8/2019.

Dù thế, tình hình sản xuất và bán thép, bao gồm cả xuất khẩu và tiêu thụ nội địa trong 8 tháng qua vẫn thấp so với năm ngoái do ảnh hưởng của dịch Covid-19 ở 6 tháng đầu năm. Ngành thép chỉ có dấu hiệu phục hồi từ tháng 7, khi sản xuất thép các loại trong nước đạt hơn 2,1 triệu tấn, tăng 7,7% so với tháng 6 và ngang mức cùng kỳ 2019.

Như vậy, tính chung 8 tháng, sản xuất thép các loại đạt hơn 16 triệu tấn, giảm 5% so với cùng kỳ. Còn bán hàng thép các loại đạt 14,4 triệu tấn, giảm 6,9% so với cùng kỳ, trong đó, xuất khẩu thép các loại giảm 13,8% so với cùng kỳ 2019, xuống còn 2,7 triệu tấn.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Gilimex dự kiến phát hành từ 50 đến 100 tỷ đồng trái phiếu

CTCP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (HoSE: GIL) điều chỉnh phương án phát hành trái phiếu trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2020. Theo đó, công ty dự kiến phát hành từ 50 đến 100 tỷ đồng trái phiếu.

Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm. Kỳ hạn trái phiếu và kỳ trả lãi căn cứ vào thỏa thuận với nhà đầu tư, trong đó kỳ hạn trái phiếu tối thiểu 1 năm và tối đa 5 năm. Lãi suất theo lãi suất thị trường vào thời điểm phát hành.

Giao dịch trái phiếu được thực hiện trong vòng 1 năm, trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Mục đích huy động vốn nhằm tăng quy mô vốn hoạt động, thực hiện các chương trình, dự án đầu tư.

Nam Long chốt ngày đăng ký cuối cùng phát hành gần 24 triệu cổ phiếu trả cổ tức

CTCP Đầu tư Nam Long (HoSE: NLG) dự kiến phát hành gần 25,6 triệu cổ phiếu, tương đương 10,2% vốn. Trong đó, 23,9 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 và phần còn lại phát hành theo chương trình cổ phiếu thưởng cho các lãnh đạo cấp cao (ESG).

Phát hành cổ phiếu ESG được Nam Long thực hiện liên tục từ năm 2018 và kéo dài đến 2020 nếu công ty đạt 100% kế hoạch lợi nhuận sau thuế và 100% doanh số. Năm 2018, công ty đã phát hành 1,53 triệu cổ phiếu ESG và năm 2019 là 1,38 triệu cổ phiếu ESG. Cổ phiếu phát hành theo chương trình ESG được tự do chuyển nhượng.

Ngày đăng ký cuối cùng là 25/9. Nguồn vốn thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, giá trị 1.839,3 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành cổ phiếu ESG trích từ quỹ khen thưởng 59,8 tỷ đồng.

Năm 2019, công ty có kế hoạch trả cổ tức 10% bằng tiền và 10% bằng cổ phiếu. Công ty đã tạm ứng 5% bằng tiền vào ngày 11/12/2019 và 4,79% thực hiện trong tháng 6.

Năm 2020, Nam Long đặt mục tiêu chi trả cổ tức 15%, bao gồm 10% bằng tiền và 5% bằng cổ phiếu. Trong đó, cổ tức bằng tiền được chi trả làm 2 lần, từ quý IV/2020 đến quý II/2021. Với 5% cổ tức bằng cổ phiếu, công ty sẽ thực hiện sau ĐHĐCĐ năm 2021, dự kiến trong quý II.

Masan Consumer dự kiến phát hành gần 4 triệu cổ phiếu ESOP từ 15/9

HDQT Công ty Hàng tiêu dùng Masan (Masan Consumer, UPCoM: MCH) thông qua phương án phát hành gần 3,9 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), tương đương 0,55% vốn. Thời gian thực hiện dự kiến từ 15/9 đến 23/9. Giá phát hành theo công bố trước đó là 50.000 đồng/cp, thấp hơn 32,5% thị giá.

Số cổ phiếu không phân phối hết sẽ bị hủy hoặc phân phối tiếp cho các đối tượng phát hành đã được lựa chọn với giá phát hành cũng là 50.000 đồng/cổ phần. Các cổ phiếu ESOP này không hạn chế chuyển nhượng.

Năm 2020, Masan Consumer đặt mục tiêu doanh thu thuần tăng 24%-33%, lên khoảng từ 23.000 đến 24.500 tỷ đồng. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty cũng tăng 14%-22%, lên mức 4.600-4.900 tỷ đồng.

Lũy kế 6 tháng, công ty có 10.029 tỷ đồng doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế là 1.867,5 tỷ đồng. Theo phương án thấp, Masan Consumer hoàn thành 44% kế hoạch doanh thu và 41% kế hoạch lợi nhuận.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|-------------------------------------|
| 1 | LIX | Mua | 16/09/20 | 56.8 | 56.8 | 0.0% | 60.9 | 7.2% | 54.9 | -3.3% | Tín hiệu quay lại xu hướng phục hồi |

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Kháng cự | Tín hiệu kỹ thuật |
|-----|-------|--------------|------------------|--------------|-----------|--|
| 1 | POW | Quan sát mua | 16/09/20 | 10.15 | 11.2-11.5 | Tín hiệu tích lũy bên dưới MA200 tích cực + có phiên tăng kéo MACD Histogram tăng trở lại -> khả năng sớm có phiên break |
| 2 | LPB | Quan sát mua | 16/09/20 | 9.8 | 11-11.3 | Tín hiệu điều chỉnh tích cực với vol thấp sau nền breakout kháng cự mạnh -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng |
| 3 | VNM | Quan sát mua | 16/09/20 | 124.8 | 132 | Nhịp điều chỉnh tích cực với vol giảm thấp dần + MACD về gần Signal -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng |
| 4 | PLX | Quan sát mua | 16/09/20 | 49.5 | 55-56 | Nhịp điều chỉnh tích cực với vol giảm thấp dần + về hỗ trợ 48.8-50 -> cần một phiên tăng tốt vượt 50 kèm vol cao trở lại để xác nhận kết thúc điều chỉnh |
| 5 | GMD | Quan sát mua | 16/09/20 | 23.5 | 26 | Tín hiệu tích lũy/điều chỉnh tích cực với vol thấp sau nền breakout kháng cự -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng |

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1 | DGC | Nắm giữ | 20/08/20 | 40.65 | 33.45 | 21.5% | 43.5 | 30.0% | 31.8 | -5% | |
| 2 | VRE | Nắm giữ | 27/08/20 | 28.9 | 27.2 | 6.3% | 32 | 17.6% | 26.6 | -2% | |
| 3 | DBC | Mua | 10/09/20 | 48.85 | 48 | 1.8% | 57 | 19% | 45 | -6% | |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | |
|---|-----|-----|----------|-------|-------|------|------|-----|------|-----|--|
| 4 | PPC | Mua | 14/09/20 | 24.35 | 24.3 | 0.2% | 26 | 7% | 23.5 | -3% | |
| 5 | IMP | Mua | 15/09/20 | 49.5 | 48.15 | 2.8% | 54.4 | 13% | 47.2 | -2% | |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

| Mã chứng quyền (*) | Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 15/09/2020 | | | | | | | | | Thông tin chứng quyền | | | | |
|--------------------|--|--------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------------|-----------------|----------------|--|--------------------------------|-----------------------|------|---------------------------|----------------------|--------------|
| | Giá phát hành (VND) | Giá đóng cửa (VND) | Tăng/giảm trong ngày (%) | Tăng/giảm so với giá phát hành (%) | KL chứng quyền khớp lệnh | Số ngày tới hạn | Giá CKCS (VND) | Giá chứng quyền mua lý thuyết (**) (VND) | Chênh lệch so với giá đóng cửa | CTCKPH | CKCS | Giá thực hiện quyền (VND) | Tỷ lệ chuyển đổi n:1 | Ngày đáo hạn |
| CCTD2001 | 1,540 | 1,300 | 4.0 % | -16% | 82 | 92 | 72,900 | 107 | (1,193) | KIS | CTD | 80,888 | 10 | 16/12/2020 |
| CFPT2003 | 7,300 | 10,900 | 4.7 % | 49% | 1,027 | 55 | 50,000 | 986 | (9,914) | SSI | FPT | 50,000 | 1 | 09/11/2020 |
| CFPT2006 | 1,500 | 1,800 | 5.9 % | 20% | 1,306 | 44 | 50,000 | 1,353 | (447) | HCM | FPT | 44,386 | 4 | 29/10/2020 |
| CFPT2007 | 1,690 | 1,610 | 4.6 % | -5% | 2,836 | 38 | 50,000 | 1,327 | (283) | MBS | FPT | 43,500 | 5 | 23/10/2020 |
| CFPT2008 | 1,500 | 1,450 | 4.3 % | -3% | 1,108 | 121 | 50,000 | 673 | | HCM | FPT | 48,000 | 5 | 14/01/2021 |
| CHDB2005 | 1,080 | 750 | -6.3 % | -31% | 9,107 | 20 | 29,900 | 655 | (95) | KIS | HDB | 27,327 | 4 | 05/10/2020 |
| CHDB2006 | 2,180 | 2,800 | 0 % | 28% | 2,882 | 23 | 29,900 | 2,624 | (176) | MBS | HDB | 24,700 | 2 | 08/10/2020 |
| CHPG2005 | 2,100 | 11,390 | 3.1 % | 442% | 400 | 16 | 24,700 | 5,725 | (5,665) | VND | HPG | 19,000 | 1 | 01/10/2020 |
| CHPG2008 | 4,100 | 3,770 | 2.7 % | -8% | 2,746 | 76 | 24,700 | 37 | (3,733) | SSI | HPG | 28,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CHPG2009 | 1,600 | 3,990 | 3.1 % | 149% | 9,599 | 44 | 24,700 | 1,143 | (2,847) | HCM | HPG | 22,500 | 2 | 29/10/2020 |
| CHPG2012 | 6,100 | 5,600 | 2.2 % | -8% | 12 | 125 | 24,700 | 588 | (5,012) | SSI | HPG | 26,500 | 1 | 18/01/2021 |
| CHPG2013 | 6,900 | 6,990 | 2.2 % | 1% | 5,578 | 77 | 24,700 | 1,211 | (5,779) | SSI | HPG | 24,000 | 1 | 01/12/2020 |
| CHPG2014 | 7,200 | 6,780 | -0.2 % | -6% | 258 | 216 | 24,700 | 1,476 | (5,304) | SSI | HPG | 26,500 | 1 | 19/04/2021 |
| CHPG2015 | 6,700 | 6,090 | 2.2 % | -9% | 11,686 | 167 | 24,700 | 987 | (5,103) | SSI | HPG | 26,500 | 1 | 01/03/2021 |
| CMSN2008 | 1,530 | 1,440 | -2.7 % | -6% | 11,526 | 83 | 55,400 | 656 | (784) | MBS | MSN | 53,000 | 5 | 07/12/2020 |
| CHPG2016 | 2,200 | 2,580 | 3.6 % | 17% | 2,937 | 121 | 24,700 | 163 | (2,417) | HCM | HPG | 27,500 | 2 | 14/01/2021 |
| CPNJ2007 | 1,670 | 2,020 | -1.0 % | 21% | 20,331 | 66 | 59,900 | 1,442 | (578) | MBS | PNJ | 53,000 | 5 | 20/11/2020 |
| CSTB2008 | 1,500 | 2,030 | 12.8 % | 35% | 30,874 | 66 | 11,600 | 1,460 | (570) | MBS | STB | 10,200 | 1 | 20/11/2020 |
| CVNM2009 | 1,810 | 2,300 | 0.9 % | 27% | 6,278 | 83 | 124,800 | 1,855 | (445) | MBS | VNM | 107,000 | 10 | 07/12/2020 |
| CVPB2009 | 1,630 | 2,070 | -1.0 % | 27% | 2,727 | 66 | 23,050 | 1,487 | (583) | MBS | VPB | 20,200 | 2 | 20/11/2020 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----------|--------|--------|---------|-------|--------|-----|--------|-------|---------|-----|-----|---------|----|------------|
| CMBB2003 | 2,000 | 1,330 | 0 % | -34% | 1,654 | 55 | 18,100 | 430 | (900) | SSI | MBB | 18,000 | 1 | 09/11/2020 |
| CMBB2005 | 2,000 | 390 | -56.7 % | -81% | 519 | 41 | 18,100 | 0 | (390) | VCI | MBB | 20,000 | 1 | 26/10/2020 |
| CMBB2006 | 1,100 | 1,050 | -6.3 % | -5% | 9,822 | 44 | 18,100 | 831 | (219) | HCM | MBB | 16,500 | 2 | 29/10/2020 |
| CMBB2007 | 1,400 | 1,350 | 0 % | -4% | 31,815 | 121 | 18,100 | 758 | | HCM | MBB | 17,000 | 2 | 14/01/2021 |
| CMSN2001 | 2,300 | 520 | -11.9 % | -77% | 10,672 | 92 | 55,400 | 6 | (514) | KIS | MSN | 65,789 | 5 | 16/12/2020 |
| CMSN2005 | 2,100 | 450 | -10.0 % | -79% | 21,664 | 44 | 55,400 | 3 | (447) | HCM | MSN | 60,000 | 5 | 29/10/2020 |
| CMSN2006 | 1,900 | 1,330 | -2.9 % | -30% | 4,372 | 121 | 55,400 | 449 | | HCM | MSN | 56,000 | 5 | 14/01/2021 |
| CMWG2005 | 2,500 | 2,450 | -16.1 % | -2% | 2,694 | 16 | 92,900 | 610 | (1,840) | VND | MWG | 92,000 | 2 | 01/10/2020 |
| CMWG2006 | 2,000 | 210 | -38.2 % | -90% | 1,782 | 41 | 92,900 | 0 | (210) | VCI | MWG | 110,000 | 5 | 26/10/2020 |
| CMWG2007 | 12,900 | 10,900 | -2.7 % | -16% | 562 | 76 | 92,900 | 7,019 | (3,881) | SSI | MWG | 87,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CMWG2008 | 1,300 | 1,090 | -6.0 % | -16% | 21,791 | 42 | 92,900 | 821 | (269) | HCM | MWG | 85,000 | 10 | 27/10/2020 |
| CMWG2009 | 1,600 | 1,640 | -0.6 % | 2% | 15,320 | 38 | 92,900 | 1,395 | (245) | MBS | MWG | 82,000 | 8 | 23/10/2020 |
| CMWG2010 | 1,400 | 1,740 | 3.6 % | 24% | 4,113 | 121 | 92,900 | 1,235 | | HCM | MWG | 82,000 | 10 | 14/01/2021 |
| CNVL2001 | 2,300 | 1,980 | -0.5 % | -14% | 201 | 92 | 63,800 | 136 | (1,844) | KIS | NVL | 65,888 | 4 | 16/12/2020 |
| CNVL2002 | 2,000 | 2,560 | -0.4 % | 28% | 709 | 176 | 63,800 | 1,065 | (1,495) | KIS | NVL | 59,889 | 5 | 10/03/2021 |
| CPNJ2002 | 2,400 | 280 | -3.5 % | -88% | 5,077 | 16 | 59,900 | (0) | (280) | VND | PNJ | 69,000 | 2 | 01/10/2020 |
| CPNJ2003 | 2,000 | - | 0 % | -100% | - | 41 | 59,900 | 0 | 0 | VCI | PNJ | 75,000 | 5 | 26/10/2020 |
| CPNJ2005 | 1,000 | 470 | 2.2 % | -53% | 3,743 | 44 | 59,900 | 100 | (370) | HCM | PNJ | 60,000 | 10 | 29/10/2020 |
| CPNJ2006 | 1,000 | 830 | 1.2 % | -17% | 630 | 121 | 59,900 | 339 | | HCM | PNJ | 59,000 | 10 | 14/01/2021 |
| CREE2003 | 1,000 | 1,870 | -3.6 % | 87% | 9,069 | 44 | 38,950 | 1,812 | (58) | HCM | REE | 30,000 | 5 | 29/10/2020 |
| CREE2004 | 1,570 | 3,300 | -1.5 % | 110% | 1,938 | 38 | 38,950 | 3,181 | (119) | MBS | REE | 29,500 | 3 | 23/10/2020 |
| CREE2005 | 1,300 | 2,130 | -2.3 % | 64% | 6,016 | 121 | 38,950 | 1,699 | | HCM | REE | 32,500 | 4 | 14/01/2021 |
| CROS2002 | 1,000 | 170 | 13.3 % | -83% | 9,178 | 92 | 2,200 | (0) | (170) | KIS | ROS | 7,227 | 1 | 16/12/2020 |
| CSBT2001 | 2,900 | 160 | 14.3 % | -94% | 7,716 | 92 | 14,050 | 0 | (160) | KIS | SBT | 21,111 | 1 | 16/12/2020 |
| CSTB2002 | 1,700 | 1,190 | -0.8 % | -30% | 54,412 | 92 | 11,600 | 326 | (864) | KIS | STB | 11,888 | 1 | 16/12/2020 |
| CSTB2004 | 1,400 | 1,370 | 22.3 % | -2% | 86,811 | 76 | 11,600 | 769 | (601) | SSI | STB | 11,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CSTB2005 | 1,080 | 400 | 8.1 % | -63% | 68,367 | 49 | 11,600 | 75 | (325) | KIS | STB | 11,811 | 2 | 03/11/2020 |
| CSTB2006 | 1,500 | 850 | 16.4 % | -43% | 5,539 | 202 | 11,600 | 256 | (594) | KIS | STB | 12,888 | 2 | 05/04/2021 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | | | |
|----------|--------|--------|---------|------|--------|-----|---------|-------|---------|-----|-----|---------|----|------------|
| CTCB2003 | 2,000 | 270 | -3.6 % | -87% | 282 | 41 | 21,350 | 0 | (270) | VCI | TCB | 25,000 | 1 | 26/10/2020 |
| CTCB2005 | 3,000 | 1,590 | -2.5 % | -47% | 1,196 | 76 | 21,350 | 367 | (1,223) | SSI | TCB | 22,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CTCB2006 | 1,200 | 1,890 | -1.6 % | 58% | 2,622 | 44 | 21,350 | 1,708 | (182) | HCM | TCB | 18,000 | 2 | 29/10/2020 |
| CTCB2007 | 1,700 | 1,880 | 12.6 % | 11% | 6,416 | 121 | 21,350 | 937 | | HCM | TCB | 20,000 | 2 | 14/01/2021 |
| CVHM2001 | 3,100 | 1,000 | 0 % | -68% | 1 | 92 | 76,800 | 4 | (996) | KIS | VHM | 94,567 | 5 | 16/12/2020 |
| CVHM2002 | 11,500 | 6,060 | -7.8 % | -47% | 14,447 | 76 | 76,800 | 2,277 | (3,783) | SSI | VHM | 77,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CVHM2003 | 1,000 | 1,050 | -1.9 % | 5% | 38,230 | 44 | 76,800 | 706 | (344) | HCM | VHM | 70,000 | 10 | 29/10/2020 |
| CVHM2004 | 1,490 | 140 | -17.7 % | -91% | 6,322 | 20 | 76,800 | (0) | (140) | KIS | VHM | 86,868 | 10 | 05/10/2020 |
| CVHM2005 | 1,400 | 910 | -5.2 % | -35% | 19,364 | 121 | 76,800 | 278 | | HCM | VHM | 79,000 | 10 | 14/01/2021 |
| CVJC2001 | 2,400 | 190 | -5.0 % | -92% | 453 | 92 | 106,900 | 0 | (190) | KIS | VJC | 173,137 | 10 | 16/12/2020 |
| CVJC2002 | 1,900 | 460 | -17.9 % | -76% | 10,051 | 44 | 106,900 | 1 | (459) | HCM | VJC | 116,000 | 10 | 29/10/2020 |
| CVJC2003 | 1,670 | 80 | -20.0 % | -95% | 5,050 | 20 | 106,900 | (0) | (80) | KIS | VJC | 123,456 | 10 | 05/10/2020 |
| CVNM2004 | 17,500 | 15,000 | 2.7 % | -14% | 1,250 | 76 | 124,800 | 8,088 | (6,912) | SSI | VNM | 118,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CVNM2005 | 1,500 | 2,520 | 2.4 % | 68% | 1,559 | 44 | 124,800 | 2,218 | (302) | HCM | VNM | 103,000 | 10 | 29/10/2020 |
| CVNM2006 | 1,530 | 330 | -13.2 % | -78% | 71,042 | 20 | 124,800 | 0 | (330) | KIS | VNM | 131,313 | 10 | 05/10/2020 |
| CVNM2007 | 2,400 | 1,430 | -4.0 % | -40% | 80 | 176 | 124,800 | 272 | (1,158) | KIS | VNM | 138,888 | 10 | 10/03/2021 |
| CVNM2008 | 1,800 | 2,060 | 0.5 % | 14% | 1,654 | 121 | 124,800 | 1,277 | | HCM | VNM | 114,000 | 10 | 14/01/2021 |
| CVPB2006 | 3,400 | 1,540 | -1.3 % | -55% | 11,293 | 76 | 23,050 | 408 | (1,132) | SSI | VPB | 24,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CVPB2007 | 1,700 | 950 | -5.0 % | -44% | 15,874 | 44 | 23,050 | 403 | (547) | HCM | VPB | 22,500 | 2 | 29/10/2020 |
| CVPB2008 | 1,800 | 1,690 | -1.2 % | -6% | 3,700 | 121 | 23,050 | 938 | | HCM | VPB | 22,000 | 2 | 14/01/2021 |
| CVRE2003 | 3,000 | 380 | 2.7 % | -87% | 43,682 | 92 | 28,900 | 1 | (379) | KIS | VRE | 37,999 | 2 | 16/12/2020 |
| CVRE2005 | 4,000 | 2,930 | 8.9 % | -27% | 1,603 | 76 | 28,900 | 1,523 | (1,407) | SSI | VRE | 28,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CVRE2006 | 1,100 | 1,570 | 5.4 % | 43% | 6,815 | 44 | 28,900 | 1,496 | (74) | HCM | VRE | 23,000 | 4 | 29/10/2020 |
| CVRE2007 | 1,520 | 680 | 4.6 % | -55% | 16,211 | 202 | 28,900 | 215 | (465) | KIS | VRE | 33,333 | 5 | 05/04/2021 |
| CVRE2008 | 1,200 | 1,320 | 3.9 % | 10% | 1,341 | 121 | 28,900 | 871 | | HCM | VRE | 26,000 | 4 | 14/01/2021 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK | Sàn | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2020E (tỷ) | EPS 2020E | BV 2020E | ROE 2020E | ROA 2020E | PE 2020E | PB 2020E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|----------------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|------------------|
| DBD (New) | HOSE | 45,700 | 39,000 | 11/09/2020 | 143 | 2,733 | 18,708 | 15% | 8.2% | 14.1 | 2.1 | 15% |
| VCB (New) | HOSE | 82,500 | 78,000 | 07/09/2020 | 17,662 | 4,762 | 26,585 | 20% | 1.5% | 16.4 | 2.9 | 0% |
| AST (New) | HOSE | 49,200 | 40,000 | 07/09/2020 | 6 | 133 | 17,827 | 1% | 0.5% | 301.4 | 2.2 | 10% |
| PHR (New) | HOSE | 59,200 | 57,615 | 04/09/2020 | 1,180 | 8,709 | 22,532 | 28% | 14.1% | 6.2 | 2.3 | 30% |
| VRE | HOSE | 28,900 | 39,500 | 03/09/2020 | 2,445 | 1,109 | 11,914 | 8% | 6.4% | 23.3 | 2.6 | - |
| POW | HOSE | 10,150 | 12,800 | 01/09/2020 | 2,655 | 971 | 13,557 | 8% | 5.0% | 13.2 | 0.9 | 0% |
| MWG | HOSE | 92,900 | 105,600 | 28/08/2020 | 3,496 | 7,717 | 32,797 | 24% | 7.5% | 13.7 | 3.2 | 15% |
| NVL | HOSE | 63,800 | 64,350 | 28/08/2020 | 3,547 | 3,699 | 25,725 | 13% | 3.8% | 20.3 | 2.1 | - |
| NT2 | HOSE | 23,950 | 27,600 | 27/08/2020 | 775 | 2,691 | 14,445 | 19% | 11.0% | 10.3 | 1.9 | 25% |
| SCS | HOSE | 123,600 | 120,000 | 27/08/2020 | 403 | 7,468 | 20,060 | 40% | 36.9% | 16.1 | 6.0 | 36% |
| MSN | HOSE | 55,400 | 62,400 | 24/08/2020 | 1,026 | 877 | 27,165 | 2% | 0.4% | 71.2 | 2.3 | 10% |
| HPG | HOSE | 24,700 | 28,700 | 18/08/2020 | 9,638 | 2,889 | 16,628 | 18% | 9% | 9.9 | 1.7 | 5% |
| DHG | HOSE | 103,000 | 88,000 | 17/08/2020 | 670 | 5,125 | 27,884 | 18% | 15% | 17.2 | 3.2 | - |
| VTP | UPCOM | 104,000 | 142,700 | 13/08/2020 | 451 | 7,565 | 24,318 | 40% | 11% | 18.9 | 7.6 | 0% |
| VPB | HOSE | 23,050 | 22,088 | 12/08/2020 | 8,558 | 3,511 | 20,826 | 18% | 2% | 6.3 | 1.1 | 0% |
| BMP | HOSE | 59,700 | 55,800 | 07/08/2020 | 491 | 6,001 | 30,994 | 19% | 17% | 9.2 | 1.8 | 40% |
| MSH | HOSE | 31,800 | 36,500 | 04/08/2020 | 21 | 428 | 20,629 | 2% | 1% | 85.2 | 1.8 | 25% |
| PNJ | HOSE | 59,900 | 66,500 | 04/08/2020 | 836 | 3,713 | 21,769 | 17% | 10% | 17.9 | 3.1 | 8% |
| CTR | UPCOM | 42,400 | 42,400 | 03/08/2020 | 191 | 3,152 | 13,146 | 20% | 8% | 16.2 | 3.4 | 10% |
| STK | HOSE | 15,200 | 17,500 | 03/08/2020 | 102 | 1,448 | 15,252 | 10% | 5% | 12.1 | 1.2 | 15% |

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.